

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2023 TRÌNH HĐND XÃ CẨM ĐOÀI**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2023 trình HĐND xã Cẩm Đoài.

(Kèm theo Biểu số 103/CKTC-NSNN; Biểu số 104/CKTC-NSNN; Biểu số 105/CKTC-NSNN; Biểu số 106/CKTC-NSNN)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 22/12/2022 đến hết ngày 24/12/2022.

Biên bản được lập thành 02 bản, niêm yết tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người lập



Vũ Thị Ngọc



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên



Đỗ Văn Vững



Phạm Văn Tiến



UBND Xã: Cẩm Đoài

Biểu số 103/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	19.352.069.000	TỔNG SỐ CHI	19.292.069.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	174.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	15.000.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.131.200.000	II. Chi thường xuyên	4.292.069.000
III. Thu bổ sung	4.046.869.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.046.869.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		11.354.667		19.352.069		170,43
I	Các khoản thu 100%		3.676.055		174.000		4,73
1	Phí, lệ phí		16.194		14.000		86,45
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		3.658.661		150.000		4,10
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		1.200				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định				10.000		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		517.140		15.131.200		2.925,94
1	Các khoản thu phân chia		78.641		112.000		142,42
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		21.998		20.000		90,92
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		3.000		2.000		66,67
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		53.643		90.000		167,78
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		438.499		15.019.200		3.425,14
2.1	Thu tiền sử dụng đất		403.772		15.000.000		3.714,97
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		23.045		12.800		55,54
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		11.683		6.400		54,78
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		747.550				



STT		NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
			THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A		B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V		Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI		Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		6.413.921		4.046.869		63,10
1		Thu bổ sung cân đối		2.589.878		4.046.869		156,26
2		Thu bổ sung có mục tiêu		3.824.043				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

[illegible]

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN(I) NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Dự toán năm 2023			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		42.052.424.000		15.326.469.306	15.326.469.306	15.000.000.000		15.000.000.000	0
I. Công trình chuyển tiếp						0			0
2. Công trình cũ trả nợ		16.038.424.000		13.249.243.300	13.249.243.300	1.415.067.700		1.415.067.700	
Đường giao thông		3.843.099.000,0		2.754.986.800	2.754.986.800	279.792.200		279.792.200	0,0
Công trình: Mở rộng tuyến đường từ trung tâm xã đi các thôn (Đoạn từ thôn Kim Xá đi KCN Đại An)		3.682.110.000		2.754.986.800	2.754.986.800	118.803.200		118.803.200	
Công trình: Mở rộng tuyến đường từ trung tâm xã đi các thôn (Đoạn từ thôn Kim Xá đi KCN Đại An) Di Chuyển đường điện		160.989.000		0		160.989.000		160.989.000	
2, Trường học		4.665.000.000		3.552.445.750	3.552.445.750	1.112.554.250		1.112.554.250	
Nhà đa năng trường TH Cẩm Đoài		4.665.000.000		3.552.445.750	3.552.445.750	1.112.554.250		1.112.554.250	
3. Trạm y tế		7.530.325.000		6.941.810.750	6.941.810.750	22.721.250		22.721.250	
Công trình: Trạm y tế xã Cẩm Đoài - Hạng mục: San lấp, tường chắn cát, thoát nước		1.382.015.000		1.131.907.000	1.131.907.000	4.392.000		4.392.000	
Công trình: Trạm y tế xã Cẩm Đoài - Hạng mục: Nhà làm việc 2 tầng (Móng 3 tầng) và các hạng mục phụ trợ (Ngân hàng hỗ trợ 3 tỷ)		6.148.310.000		5.809.903.750	5.809.903.750	18.329.250		18.329.250	
4. Trụ sở, hội trường UBND xã						0			
5. Nhà văn hoá						0			
6. Nghĩa trang						0			
7. Chợ						0			
8. Sân thể thao						0			
9. Bãi rác tập trung						0			
10. Công trình thủy lợi						0			
11. Các công trình khác						0			
II. Công trình khởi công mới		26.014.000.000		2.077.226.006	2.077.226.006	13.584.932.300		13.584.932.300	
1. Trường học		13.814.000.000		2.077.226.006	2.077.226.006	11.736.773.994		11.736.773.994	0,00
Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, cổng, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài		8.000.000.000		477.226.006	477.226.006	7.522.773.994		7.522.773.994	

Nhà đa năng, nhà xe, nhà bảo vệ, tường rào trường THCS Cẩm Đoài	5.814.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	4.214.000.000	4.214.000.000
2. Trạm y tế		0		0	0
3. Trụ sở UBND xã	12.200.000.000	0	0	1.848.158.306	1.848.158.306
Đầu tư xây dựng nhà làm việc và các công trình phụ trợ Công an xã	10.700.000.000			348.158.306	348.158.306
Cải tạo, sửa chữa hội trường và nhà làm việc UBND xã	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000
4. Nhà văn hoá		0			0
5. Nghĩa trang					
6. Chợ					
7. Sân thể thao					

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh